**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN AN MINH**
TỈNH KIÊN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 08 - 2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Tới

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Phạm Thanh Tuyền

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang:*** Bà Lai Thị Ngọc Mãi, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 08 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:120/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1977 *(có đơn xin vắng mặt)*

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1979 *(có mặt)*

*Cùng địa chỉ*: ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

****** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Thành N trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh và chị N1 chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2016, sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại khu phố B, thị trấn T đến năm 2019, sau đó chuyển đến ấp A B, xã Đ B sinh sống đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N1 quan hệ bất chính với người đàn ông khác (người tình cũ), từ đó vợ chồng thường hay cãi nhau và vợ chồng ly thân nhau từ tháng 6/2022 đến nay.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu N2, sinh ngày 09/8/1998, Nguyễn Thị Phương N3, sinh năm 16/8/2003, hiện tại các con đã thành niên tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Nay yêu cầu được ly hôn với chị N1; các con đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết; vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Anh N xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

** Tại biên bản hòa giải ngày 31 tháng 5 năm 2023 bị đơn chị Nguyễn Thị N1 trình bày:*

Chị N1 và anh N chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2016, sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại khu phố B, thị trấn T đến năm 2019, sau đó chuyển đến ấp A B, xã Đ B sinh sống đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N mối quan hệ bất chính về mặt tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài được thể hiện tinh nhắn trên điện thoại và quả tang về chiếc xe của anh N ở tại nhà người phụ nữ kia vào buổi tối ngày 14/5/2023 ở ấp A A, chị có báo và chính quyền ấp đến nơi nhưng không lập biên bản, chiều ngày 15/5/2023 người này đưa xe đến nhà công vụ của cơ quan, tổ chức nào chị không biết (đối diện với Vật liệu xây dựng H ấp 11A) để em của anh N tên Nguyễn Thế Q đến nhận về. Từ ngày 15/5/2023 đến nay vợ chồng không sinh hoạt đời sống chung (ly thân nhau) nhưng ở chung nhà. Đối với người tình cũ như anh N trình bày là không đúng mà chị chỉ hỏi thăm sức khỏe qua điện thoại.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu N2, sinh ngày 09/8/1998, Nguyễn Thị Phương N3, sinh năm 16/8/2003, hiện tại các con đã thành niên tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Theo yêu cầu của anh N, chị N1 có ý kiến như sau:

Về tình cảm vợ chồng: Chị không đồng ý ly hôn với anh N, trường hợp anh N thừa nhận là có quan hệ bất chính với người phục nữ khác thì chị đồng ý ly hôn với anh N. Các mối quan hệ khác không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực

hiện chưa đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự

Hướng giải quyết vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho anh N được ly hôn với chị N1; về con chung, tài sản chung không tranh chấp nên không xem xét; về nợ không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 26 tháng 6 năm 2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần thứ nhất do chị N1 vắng mặt không lý do, Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh N, chị N1, ngày 02/08/2023 anh N nộp đơn xin xét xử vắng mặt, chị N1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị N1 theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sư.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành N và chị Nguyễn Thị N1 chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2016 nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi nhau, chị N1 cho là anh N có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và ngược lại. Do anh N và chị N1 mất lòng tin lẫn nhau và hai người không giải tỏa được cho nhau nên đến tháng 6/2022 anh N và chị N1 ly thân nhau đến nay.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 16/06/2023 cho thấy: giữa anh N và chị N1 mất lòng tin lẫn nhau, chị N1 cho N có mối quan hệ với người phụ nữ khác, còn anh N thì cho là chị N1 nhắn tin và điện thoại cho người tình cũ.

Xét thấy giữa anh N và chị N1 đã ly thân nhau trong một thời gian dài, hai người không có biện pháp hàn gắn và trước đó hai người đã thỏa thuận phân chia tài sản xong, mục đích của việc chia tài sản chung là để ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa anh N và chị N1 không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cho anh N được ly hôn với chị N1.

[3] Về quan hệ con chung: Anh N và chị N1 xác định là anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu N2, sinh ngày 09/8/1998, Nguyễn Thị Phương N3, sinh năm 16/8/2003, hiện tại các con chung của anh chị đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị N1 xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Nguyễn Thị N1.

- *Về quan hệ con chung:* Các con chung của anh N và chị N1 đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Anh N và chị N1 không tranh chấp tài sản chung và không nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc anh Nguyễn Thành N chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0001252 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Anh N đã nộp xong tiền án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Đông Hưng B;
- UBND xã Biển Bạch, huyện Thới Bình- CM;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Trần Văn Tới**